

HIỆP ĐỊNH LÃNH SỰ
giữa
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
và
NƯỚC RUMANI

Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nước Rumania, dưới đây gọi là các Bên ký kết,

Mong muốn phát triển và mở rộng hơn nữa quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai nước,

Khẳng định quyết tâm phát triển hơn nữa các quan hệ giữa hai nước, trên cơ sở tin tưởng, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau, phù hợp với nguyên tắc tôn trọng độc lập về chính trị, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Mong muốn điều chỉnh và phát triển quan hệ lãnh sự giữa hai nước phù hợp với nguyên tắc tôn trọng các quyền cơ bản và tự do của con người cũng như phù hợp với các điều ước quốc tế.

Quyết định ký Hiệp định lãnh sự này và vì mục đích đó đã thoả thuận như sau:

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA

Điều 1

Định nghĩa

1) Vì mục đích của Hiệp định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu:

a) "Cơ quan lãnh sự" có nghĩa là tổng lãnh sự quán, lãnh sự quán, phó lãnh sự quán hoặc đại lý lãnh sự quán;

b) "Khu vực lãnh sự" có nghĩa là khu vực dành cho cơ quan lãnh sự để

thực hiện các chức năng lãnh sự;

c) "Người đứng đầu cơ quan lãnh sự" có nghĩa là người được bổ nhiệm hoạt động trên cương vị đó;

d) "Viên chức lãnh sự" có nghĩa là bất kỳ người nào, kể cả người đứng đầu cơ quan lãnh sự, được uỷ nhiệm thực hiện các chức năng lãnh sự trên cương vị đó;

e) "Nhân viên lãnh sự" có nghĩa là bất kỳ người nào được tuyển dụng làm công việc hành chính hoặc kỹ thuật trong cơ quan lãnh sự;

f) "Nhân viên phục vụ" có nghĩa là bất kỳ người nào được tuyển dụng làm công việc phục vụ nội bộ trong cơ quan lãnh sự;

g) "Thành viên cơ quan lãnh sự" có nghĩa là viên chức lãnh sự, nhân viên lãnh sự và nhân viên phục vụ;

h) "Nhân viên phục vụ riêng" có nghĩa là người chỉ làm thuê riêng cho một thành viên cơ quan lãnh sự;

i) "Thành viên gia đình" bao gồm: vợ (chồng), các con vị thành niên của một thành viên cơ quan lãnh sự;

j) "Cán bộ nhân viên biên chế cơ quan lãnh sự" có nghĩa là các viên chức lãnh sự, ngoài người đứng đầu cơ quan lãnh sự, nhân viên lãnh sự và nhân viên phục vụ;

k) "Trụ sở cơ quan lãnh sự" có nghĩa là các toà nhà hoặc các phần của các toà nhà và phần đất trực thuộc, không phân biệt quyền sở hữu, chỉ sử dụng cho các mục đích của cơ quan lãnh sự;

l) "Hồ sơ lưu trữ lãnh sự" bao gồm mọi giấy tờ, tài liệu, thư từ, sách, phim, băng từ, các phương tiện kỹ thuật dùng để thu thập và sử dụng thông tin, sổ đăng ký của cơ quan lãnh sự cùng với mật mã, những đồ đạc và phiếu chỉ dẫn dùng để bảo quản hay giữ gìn các thứ đó;

m) "Tàu thuỷ" có nghĩa là bất kỳ tàu dân sự nào mang cờ Nước cử phù hợp với pháp luật của nước đó; tuy nhiên thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ tàu quân sự nào;

n) "Tàu bay" có nghĩa là bất kỳ tàu bay dân dụng nào đăng ký tại Nước cử và có quyền sử dụng các dấu hiệu đăng ký của nước đó; tuy nhiên thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ tàu bay quân sự nào.

2) Các điều khoản trong Hiệp định này có liên quan tới các công dân của Nước cử sẽ được áp dụng thích hợp, vào bất kỳ lúc nào hoàn cảnh cho phép, đối với các pháp nhân được thành lập phù hợp với pháp luật của Nước

cử và có trụ sở đăng ký tại nước đó.

CHƯƠNG II

VIỆC THÀNH LẬP CƠ QUAN LÃNH SỰ VÀ BỔ NHIỆM CÁC THÀNH VIÊN CƠ QUAN LÃNH SỰ

Điều 2

Việc thành lập cơ quan lãnh sự

1) Việc thành lập cơ quan lãnh sự trên lãnh thổ Nước tiếp nhận phải được sự đồng ý của nước đó.

2) Nơi đặt trụ sở, xếp hạng, khu vực lãnh sự cũng như số lượng cán bộ nhân viên biên chế cơ quan lãnh sự do Nước cử quyết định và phải được sự chấp thuận của Nước tiếp nhận. Chỉ khi Nước tiếp nhận đồng ý Nước cử mới được thay đổi nơi đặt trụ sở, xếp hạng, khu vực lãnh sự và số lượng cán bộ nhân viên biên chế cơ quan lãnh sự.

3) Việc mở một văn phòng thuộc cơ quan lãnh sự hiện có ở ngoài nơi đặt cơ quan lãnh sự đó thì cũng phải được Nước tiếp nhận đồng ý trước một cách rõ ràng.

Điều 3

Việc bổ nhiệm và chấp thuận người đứng đầu cơ quan lãnh sự

1) Trước khi bổ nhiệm người đứng đầu cơ quan lãnh sự, Nước cử thông qua đường ngoại giao yêu cầu sự chấp thuận của Nước tiếp nhận đối với người đó.

2) Ngoài các quy định của Hiệp định này, thể thức bổ nhiệm và chấp thuận người đứng đầu cơ quan lãnh sự được quy định bởi pháp luật và tập quán của Nước cử cũng như phù hợp với pháp luật và tập quán của Nước tiếp nhận.

Điều 4

Giấy uỷ nhiệm lãnh sự

1) Nước cử sẽ cấp cho người đứng đầu cơ quan lãnh sự giấy tờ dưới hình thức Giấy uỷ nhiệm lãnh sự hay một loại giấy tờ tương tự cấp cho mỗi

lần bỏ nhiệm, xác nhận chức vụ của người đó và theo lệ thường ghi rõ họ, tên, cấp bậc, hàm của người đứng đầu cơ quan lãnh sự cũng như khu vực lãnh sự và trụ sở cơ quan lãnh sự.

2) Thông qua đường ngoại giao hay qua đường thích hợp khác, Nước cử chuyển cho Nước tiếp nhận Giấy uỷ nhiệm lãnh sự hoặc giấy tờ tương tự.

Điều 5

Giấy chấp nhận lãnh sự

1) Người đứng đầu cơ quan lãnh sự có thể thực hiện chức năng của mình khi được Nước tiếp nhận cấp cho một giấy phép gọi là Giấy chấp nhận lãnh sự, bất kể hình thức của giấy phép đó như thế nào.

2) Nước tiếp nhận từ chối không cấp Giấy chấp nhận lãnh sự không buộc phải cho Nước cử biết lý do của việc từ chối đó.

3) Trừ quy định tại các điều 6 và 8 Hiệp định này, người đứng đầu cơ quan lãnh sự không thực hiện chức năng của mình trước khi nhận được Giấy chấp nhận lãnh sự đó.

Điều 6

Tạm thời chấp nhận người đứng đầu cơ quan lãnh sự

Cho đến khi cấp Giấy chấp nhận lãnh sự, Nước tiếp nhận có thể cho phép người đứng đầu cơ quan lãnh sự tạm thời thực hiện chức năng của người đó. Trong trường hợp đó thì các điều khoản của Hiệp định này sẽ được áp dụng.

Điều 7

Phụ trách tạm thời

1) Nếu người đứng đầu cơ quan lãnh sự không thể thực hiện được chức năng của mình hoặc chức vụ này đang khuyết thì một người Quyền đứng đầu cơ quan lãnh sự có thể tạm thời thực hiện chức năng của người đứng đầu cơ quan lãnh sự.

2) Cơ quan đại diện ngoại giao của Nước cử, hoặc nếu Nước cử không có cơ quan đại diện ngoại giao tại Nước tiếp nhận thì người đứng đầu cơ quan lãnh sự hoặc nếu người này không thể làm được thì bất cứ cơ quan có thẩm quyền nào của Nước cử phải thông báo cho Bộ Ngoại giao Nước tiếp nhận họ tên của người Quyền đứng đầu cơ quan lãnh sự. Thông thường thì việc này

phải thông báo trước. Nước tiếp nhận có thể chỉ chấp nhận người Quyển đứng đầu cơ quan lãnh sự với điều kiện là người đó phải là viên chức ngoại giao hay viên chức lãnh sự của Nước cử tại Nước tiếp nhận.

3) Cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận sẽ giúp đỡ và bảo vệ người Quyển đứng đầu cơ quan lãnh sự. Trong thời gian tạm thời phụ trách cơ quan, các điều khoản của Hiệp định này sẽ áp dụng đầy đủ với người đó như đối với người đứng đầu cơ quan lãnh sự.

4) Trong trường hợp nói ở khoản 1 của Điều này, nếu một viên chức ngoại giao của cơ quan đại diện ngoại giao hay một đại diện của Bộ Ngoại giao Nước cử được chỉ định thực hiện chức năng của người Quyển đứng đầu cơ quan lãnh sự thì người đó vẫn được hưởng các quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao.

Điều 8

Thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền trong khu vực lãnh sự

Ngay khi người đứng đầu cơ quan lãnh sự được chấp nhận thực hiện chức năng của mình, dù chỉ là tạm thời, Nước tiếp nhận lãnh sự phải thông báo ngay cho các cơ quan có thẩm quyền trong khu vực lãnh sự biết và tiến hành các biện pháp cần thiết để tạo điều kiện cho người đứng đầu cơ quan lãnh sự thực hiện nhiệm vụ của mình và được đối xử theo quy định của Hiệp định này.

Điều 9

Quốc tịch của các viên chức lãnh sự

Các viên chức lãnh sự chuyên nghiệp chỉ là công dân của Nước cử và không thường trú tại Nước tiếp nhận.

Điều 10

Thực hiện chức năng lãnh sự ở nước thứ ba

Sau khi thông báo kịp thời cho các nước hữu quan, Nước cử có thể giao cho một cơ quan lãnh sự được thành lập ở Nước tiếp nhận thực hiện chức năng lãnh sự ở một nước thứ ba trừ khi có sự phản đối rõ ràng của một trong các nước liên quan.

Điều 11

Thay mặt một nước thứ ba thực hiện chức năng lãnh sự

Sau khi thông báo một cách thích hợp cho Nước tiếp nhận, cơ quan lãnh sự của Nước cử có thể thay mặt một nước thứ ba thực hiện chức năng lãnh sự ở Nước tiếp nhận trừ khi Nước tiếp nhận phản đối.

Điều 12

Viên chức lãnh sự danh dự

Mỗi Bên ký kết có thể cử hay tiếp nhận các viên chức lãnh sự danh dự trong khuôn khổ quan hệ song phương và áp dụng những điều khoản của chương III Công ước Viên về quan hệ lãnh sự năm 1963 và, khi hoàn cảnh cho phép, những điều khoản của Hiệp định này đối với các vấn đề liên quan tới viên chức đó.

Viên chức lãnh sự danh dự có thể là công dân Nước cử, Nước tiếp nhận hay của nước thứ ba.

Điều 13

Thông báo cho Nước tiếp nhận về việc bổ nhiệm việc đến và đi

Bộ Ngoại giao Nước tiếp nhận phải được thông báo về:

a) việc bổ nhiệm các thành viên cơ quan lãnh sự, việc họ đến nhận nhiệm vụ ở cơ quan lãnh sự, việc đi hân hay việc chấm dứt chức năng của họ cũng như bất kỳ sự thay đổi nào có liên quan đến địa vị của họ trong quá trình làm việc tại cơ quan lãnh sự;

b) việc đến và đi hân của một người thuộc gia đình một thành viên cơ quan lãnh sự và, khi thích hợp, việc một người trở thành hay thôi không còn là thành viên của gia đình đó nữa;

c) việc đến và đi hân của một nhân viên phục vụ riêng cũng như việc họ thôi không làm với danh nghĩa này nữa;

d) việc tuyển dụng và thôi hời những người tạm trú hoặc thường trú ở Nước tiếp nhận làm thành viên cơ quan lãnh sự hay một nhân viên phục vụ riêng.

Điều 14

Giấy chứng minh

1) Cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận cấp miễn phí cho mỗi viên chức lãnh sự một loại giấy tờ thích hợp ghi rõ họ tên, năm sinh, chức danh của viên chức lãnh sự đó.

2) Những quy định của khoản 1 Điều này cũng được áp dụng cho các nhân viên lãnh sự, nhân viên phục vụ, nhân viên phục vụ riêng và thành viên gia đình họ nếu như những người đó không là công dân cũng như không thường trú ở Nước tiếp nhận.

Điều 15

Chấm dứt chức năng của một thành viên cơ quan lãnh sự

1) Ngoài các trường hợp khác, chức năng một thành viên cơ quan lãnh sự sẽ chấm dứt:

a) khi Nước cử thông báo cho Nước tiếp nhận biết chức năng của người đó đã chấm dứt:

b) khi Giấy chấp nhận lãnh sự bị thu hồi:

c) khi Nước tiếp nhận thông báo cho Nước cử biết Nước tiếp nhận thời không coi người đó là thành viên cơ quan lãnh sự.

2) Nước tiếp nhận có thể, vào bất kỳ lúc nào và không cần phải giải thích về quyết định của mình, thông báo cho Nước cử qua đường ngoại giao, rằng Giấy chấp nhận lãnh sự cấp cho người đứng đầu cơ quan lãnh sự đã bị thu hồi hay một viên chức lãnh sự bị tuyên bố là người không được chấp thuận hoặc một thành viên nào khác của cơ quan lãnh sự là người không thể chấp nhận được. Trong trường hợp đó, Nước cử triệu hồi hoặc huỷ bỏ việc bổ nhiệm người có liên quan. Trong trường hợp Nước cử không thực hiện nghĩa vụ này trong khoảng thời gian hợp lý thì Nước tiếp nhận có thể từ chối không coi người đó là thành viên cơ quan lãnh sự.

CHƯƠNG III

CHỨC NĂNG LÃNH SỰ

Điều 16

Mục đích của công tác lãnh sự

Viên chức lãnh sự góp phần thúc đẩy, bằng bất kỳ hình thức hợp pháp nào, sự phát triển quan hệ kinh tế, thương mại, văn hoá và khoa học cũng như du lịch giữa Nước cử và Nước tiếp nhận; phát triển hơn nữa, bằng bất kỳ cách nào khác, mối quan hệ hữu nghị giữa Nước cử và Nước tiếp nhận và bảo vệ các quyền và lợi ích của Nước cử cũng như công dân Nước cử.

Điều 17

Liên hệ với các cơ quan của Nước tiếp nhận

1) Viên chức lãnh sự thực hiện chức năng của mình trong khu vực lãnh sự. Tuy nhiên trong những trường hợp ngoại lệ, viên chức lãnh sự có thể thực hiện chức năng của mình bên ngoài khu vực lãnh sự, nếu Nước tiếp nhận đồng ý.

2) Trong khi thực hiện chức năng của mình viên chức lãnh sự được liên hệ với:

a) các cơ quan địa phương có thẩm quyền trong khu vực lãnh sự;

b) các cơ quan trung ương có thẩm quyền của Nước tiếp nhận, nếu luật, quy định và tập quán của Nước tiếp nhận cũng như các điều ước quốc tế cho phép.

Điều 18

Việc đại diện tại các tổ chức quốc tế

Viên chức lãnh sự có thể đại diện cho Nước cử tại các tổ chức quốc tế có trụ sở tại Nước tiếp nhận sau khi đã gửi thông báo thích hợp cho Nước tiếp nhận.

Điều 19

Đại diện cho công dân trước toà án của Nước tiếp nhận

1) Phù hợp với pháp luật và thủ tục hiện hành ở Nước tiếp nhận, viên chức lãnh sự có quyền đại diện cho công dân của Nước cử hoặc tiến hành những biện pháp thích hợp để đại diện cho các công dân đó trước toà án hay các cơ quan có thẩm quyền khác của Nước tiếp nhận, để yêu cầu tiến hành những biện pháp tạm thời phù hợp với luật và quy định của Nước tiếp nhận, nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích của bất kỳ công dân nào trong trường hợp do vắng mặt hoặc vì một lý do nào khác người đó không kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

2) Việc đại diện được nói tại khoản 1 Điều này sẽ chấm dứt khi người được đại diện đã chỉ định được người đại diện hợp pháp hoặc tự mình đứng ra bảo vệ các quyền và lợi ích đó.

Điều 20

Đăng ký công dân, cấp hộ chiếu và thị thực

Phù hợp với pháp luật Nước cử, viên chức lãnh sự có quyền:

- a) đăng ký công dân Nước cử;
- b) cấp hộ chiếu, thị thực hoặc các giấy tờ đi lại khác cho công dân Nước cử; cấp lại, bổ sung, gia hạn, huỷ hay thu hồi các hộ chiếu và giấy tờ đó;
- c) cấp, gia hạn và huỷ bỏ thị thực cho những người muốn đến Nước cử.

Điều 21

Các chức năng liên quan đến hộ tịch

Phù hợp với pháp luật Nước cử và nếu không trái với pháp luật Nước tiếp nhận, viên chức lãnh sự có quyền:

1) Cử hành lễ kết hôn. Cơ quan lãnh sự phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận về lễ kết hôn đã được tổ chức, nếu pháp luật Nước tiếp nhận đòi hỏi như vậy.

2) Đăng ký khai sinh, kết hôn, khai tử, tiếp nhận hoặc chứng thực các giấy tờ liên quan đến sinh, tử, kết hôn của công dân Nước cử và cấp các giấy tờ thích hợp. Tuy nhiên, quy định này không miễn cho các công dân của

Nước cử nghĩa vụ tuân thủ pháp luật của Nước tiếp nhận có liên quan đến việc đăng ký sinh, tử và kết hôn.

3) Vì các mục đích chính thức và theo yêu cầu của cơ quan lãnh sự, các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải cung cấp cho cơ quan lãnh sự bản sao, trích lục của các giấy tờ về hộ tịch liên quan đến công dân Nước cử.

Điều 22

Các chức năng về công chứng và hợp pháp hoá

Phù hợp với pháp luật hiện hành của Nước cử và Nước tiếp nhận, viên chức lãnh sự có quyền:

- a) nhận, soạn thảo và chứng thực các tuyên bố của công dân Nước cử;
- b) chứng thực các hợp đồng, trừ các hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu bất động sản ở Nước tiếp nhận giữa công dân của Nước cử với nhau hoặc giữa công dân Nước cử với công dân nước khác, nếu hợp đồng đó được thực hiện ở Nước cử hoặc giữa công dân Nước cử;
- c) nhận, soạn thảo, chứng thực các di chúc của công dân Nước cử;
- d) chứng thực hoặc hợp pháp hoá các tài liệu, giấy tờ của công dân Nước cử hoặc do các cơ quan có thẩm quyền của Nước cử hoặc Nước tiếp nhận lập ra; chứng thực các bản sao và các đoạn trích của các tài liệu này.

2) Các giấy tờ nói tại khoản 1 của Điều này, do viên chức lãnh sự lập, công chứng hay hợp pháp hoá, được công nhận có giá trị như các giấy tờ do các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận lập ra, nếu chúng không trái với luật và quy định của nước đó.

Điều 23

Nhận bảo quản

1) Theo yêu cầu của công dân Nước cử, viên chức lãnh sự có quyền nhận bảo quản các giấy tờ, tài liệu, tiền và các đồ vật quý, trừ phi điều đó trái với pháp luật của Nước tiếp nhận.

2) Viên chức lãnh sự cũng có quyền nhận và chuyển cho công dân Nước cử là người sở hữu các đồ vật bị thất lạc trong thời gian họ ở Nước tiếp nhận.

Điều 24

Giám hộ và đỡ đầu

1) Các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận thông báo cho cơ quan lãnh sự về bất cứ trường hợp nào cần bố trí người giám hộ hay đỡ đầu nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Nước cử là người vị thành niên hay người bị hạn chế năng lực hành vi. Tuy nhiên việc bố trí giám hộ hay đỡ đầu này không ảnh hưởng đến việc áp dụng luật và quy định của Nước tiếp nhận về vấn đề đó.

2) Phù hợp với mục đích nêu tại khoản 1 Điều này, viên chức lãnh sự có thể liên lạc với các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận và tiếp xúc với người được chỉ định làm người giám hộ hay đỡ đầu.

Điều 25

Liên lạc và tiếp xúc với công dân của Nước cử

Viên chức lãnh sự có quyền liên hệ và tiếp xúc với bất kỳ công dân nào của Nước cử; giúp đỡ và đưa ra lời khuyên đối với người đó và trong trường hợp cần thiết dành cho người đó sự giúp đỡ pháp lý. Nước tiếp nhận không được hạn chế dưới bất cứ hình thức nào sự liên hệ và tiếp xúc của công dân Nước cử với cơ quan lãnh sự cũng như không được có bất kỳ một hạn chế nào liên quan tới việc ra vào cơ quan lãnh sự.

Điều 26

Liên lạc và tiếp xúc với công dân bị mất tự do

1) Viên chức lãnh sự phải được cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận thông báo kịp thời nhưng không muộn hơn 5 ngày làm việc về việc bắt, tạm giữ hoặc bất kỳ một biện pháp nào hạn chế quyền tự do cá nhân của công dân Nước cử ở trong khu vực lãnh sự.

2) Bất kỳ thông tin nào của người bị tạm giữ với cơ quan lãnh sự đều được cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận gửi ngay cho cơ quan lãnh sự.

3) Viên chức lãnh sự có quyền thăm và liên hệ với công dân Nước cử bị bắt, đang là đối tượng của bất kỳ hình thức hạn chế tự do cá nhân nào hoặc bị kết án tù và, trong trường hợp có thể, dành cho công dân đó sự giúp đỡ để đảm bảo việc bảo hộ. Buổi thăm đầu tiên được cho phép càng sớm càng tốt, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào cũng không muộn hơn 4 ngày làm

việc kể từ ngày cơ quan lãnh sự được thông báo về việc đó. Những buổi thăm sau đó được cho phép trong những khoảng thời gian hợp lý.

4) Cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải thông báo cho những người có liên quan về quyền của họ được liên hệ với viên chức lãnh sự.

5) Các cuộc thăm và liên hệ nói tại khoản 3 và 4 phải được tiến hành phù hợp với luật và các quy định của Nước tiếp nhận. Tuy vậy, luật và các quy định đó không được ngăn cản việc thực hiện các chức năng lãnh sự.

6) Viên chức lãnh sự không hành động thay mặt cho công dân Nước cử đang bị giam giữ nếu người đó phản đối một cách rõ ràng.

7) Người bị giam giữ có quyền nhận, gửi thư từ và những thông tin khác, được nhận quà gồm những đồ dùng cho cá nhân theo quy định của Nước tiếp nhận.

8) Trong trường hợp một phiên tòa hoặc một quá trình tố tụng khác được tiến hành ở Nước tiếp nhận đối với công dân Nước cử, và theo yêu cầu của đương sự, Nước tiếp nhận sẽ thông báo cho viên chức lãnh sự của Nước cử về lời buộc tội đối với người đó, về thời gian, địa điểm mở phiên tòa hay một quá trình tố tụng khác. Viên chức lãnh sự có quyền có mặt tại phiên tòa hay một quá trình tố tụng khác đối với người này.

Điều 27

Tai nạn

Các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải thông báo ngay cho cơ quan lãnh sự về việc công dân Nước cử bị tai nạn nghiêm trọng. Theo yêu cầu của cơ quan lãnh sự, các cơ quan đó phải cung cấp cho cơ quan lãnh sự các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền lập ra về vụ tai nạn có liên quan đến một công dân Nước cử.

Điều 28

Trường hợp công dân Nước cử bị chết

Các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải thông báo ngay cho viên chức lãnh sự về việc một công dân Nước cử bị chết. Theo yêu cầu của cơ quan lãnh sự, các cơ quan đó phải gửi miễn phí giấy chứng tử hoặc bản sao giấy tờ xác nhận về cái chết đó.

Điều 29

Chức năng liên quan tới di sản

1) Các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải thông báo kịp thời cho viên chức lãnh sự về việc mở thừa kế tại Nước tiếp nhận phát sinh từ cái chết của một công dân Nước cử cũng như của một người không kể thuộc quốc tịch nào mà công dân hoặc Nhà nước Nước cử có thể có quyền lợi với tư cách là người thừa kế.

2) Các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải áp dụng các biện pháp cần thiết theo pháp luật nước đó để bảo vệ tài sản của người chết và phải gửi cho viên chức lãnh sự một bản sao di chúc, trong trường hợp có di chúc, cũng như tất cả các thông tin mà các cơ quan này có được liên quan đến những người có quyền thừa kế, nơi thường trú hoặc tạm trú của họ, giá trị và danh mục các di sản, kể cả các khoản có nguồn gốc từ bảo hiểm xã hội, thu nhập và hợp đồng bảo hiểm. Các cơ quan này cũng phải thông báo về thời gian mở thừa kế hoặc quá trình giải quyết.

3) Viên chức lãnh sự có quyền đại diện cho công dân của Nước cử được hưởng di sản hoặc có yêu cầu đối với di sản ở Nước tiếp nhận mà không cần giấy uỷ quyền trước toà án hoặc bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào của Nước tiếp nhận, nếu người thừa kế di sản hoặc người có yêu cầu đối với di sản vắng mặt hoặc chưa chỉ định được một người đại diện hợp pháp khác.

4) Viên chức lãnh sự có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận :

a) Bảo vệ di sản, niêm phong hoặc bỏ niêm phong, áp dụng các biện pháp bảo vệ di sản, kể cả việc chỉ định người quản lý di sản đó, cũng như tham gia vào các hành động nói ở trên;

b) Bán những tài sản thuộc khối di sản và thông báo ngày dự định bán để viên chức lãnh sự có mặt.

5) Sau khi kết thúc việc giải quyết tài sản thừa kế hoặc kết thúc các thủ tục chính thức khác liên quan đến di sản đó, các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải thông báo kịp thời cho viên chức lãnh sự và cho phép chuyển di sản hoặc kỳ phần cho những người được thừa kế sau khi thanh toán các khoản nợ, thuế và lệ phí.

6) Trong trường hợp giá trị của di sản không đáng kể, thì viên chức lãnh sự có quyền nhận và chuyển cho những người có liên quan.

7) Viên chức lãnh sự có quyền nhận chuyển cho công dân Nước cử kỳ phần và di sản nếu họ không thường trú ở Nước tiếp nhận; có quyền nhận các khoản tiền thuộc về những người có liên quan như lương hưu, tiền trợ cấp, tiền bảo hiểm xã hội, tiền công chưa nhận hết, hợp đồng bảo hiểm và các

khoản đến bù khác.

8) Trong trường hợp một công dân Nước cử không thường trú tại Nước tiếp nhận chết trong khi tạm trú ở nước này thì tài sản của họ sẽ được các cơ quan có thẩm quyền Nước tiếp nhận bảo vệ và sau đó chuyển cho viên chức lãnh sự Nước cử mà không cần một thủ tục đặc biệt nào. Viên chức lãnh sự sẽ trang trải các khoản nợ của người chết trong thời gian ở Nước tiếp nhận nếu các khoản nợ đó không vượt quá giá trị tài sản để lại.

9) Việc chuyển tài sản ra khỏi Nước tiếp nhận theo quy định ở Điều này được tiến hành phù hợp với pháp luật của Nước tiếp nhận.

Điều 30

Các chức năng liên quan đến tàu thủy của Nước cử

1) Viên chức lãnh sự có quyền dành bất kỳ sự giúp đỡ nào được quy định trong Hiệp định này cho tàu của Nước cử cũng như cho thuyền bộ của các tàu đó trong khi tàu ở trong nội thủy hoặc trong lãnh hải Nước tiếp nhận, kể cả ở cảng. Viên chức lãnh sự cũng có quyền kiểm tra và thanh tra trên tàu của Nước cử cũng như đối với thuyền bộ. Vì mục đích này, viên chức lãnh sự có quyền lên tàu Nước cử để phỏng vấn thuyền trưởng và thuyền viên.

2) Thuyền trưởng và các thuyền viên được quyền gặp gỡ và tiếp xúc với viên chức lãnh sự trên tàu và được đến cơ quan lãnh sự phù hợp với luật và các quy định của Nước tiếp nhận, đặc biệt là các quy định của cảng, cũng như liên quan đến việc qua lại biên giới.

3) Để thực hiện các công việc liên quan đến tàu của Nước cử, đến thuyền trưởng và thuyền viên, viên chức lãnh sự có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận giúp đỡ.

Điều 31

Quyền của viên chức lãnh sự liên quan tới tàu thủy và thuyền bộ

Với điều kiện là những hoạt động dưới đây không trái với luật và quy định của Nước tiếp nhận, viên chức lãnh sự có quyền:

a) điều tra bất kỳ sự cố nào xảy ra trên tàu của Nước cử: phỏng vấn thuyền trưởng và các thuyền viên; thăm tàu, tiếp nhận, xác minh, soạn thảo hay ký bất kỳ loại chứng nhận nào hoặc các giấy tờ khác liên quan tới tàu; đưa ra những tuyên bố liên quan tới tàu; hàng hoá hay lịch trình của nó cũng như cấp giấy tờ cần thiết nhằm tạo thuận lợi cho việc đến, lưu lại cũng như rời đi của tàu;

b) giải quyết hay tạo thuận lợi cho việc giải quyết mọi tranh chấp giữa thuyền trưởng và các thuyền viên, kể cả những tranh chấp liên quan tới Hợp đồng lao động và các điều kiện lao động phù hợp với pháp luật của Nước cử;

c) thực hiện các công việc có liên quan đến tuyển dụng hay sa thải thuyền trưởng và thuyền viên phù hợp với luật pháp hiện hành của Nước cử;

d) thi hành các biện pháp cần thiết để đảm bảo việc cứu chữa và đưa về nước thuyền trưởng hoặc bất kỳ một thuyền viên nào;

e) giúp đỡ thuyền trưởng và bất kỳ thuyền viên nào trong việc liên hệ với toà án và các nhà chức trách khác của Nước tiếp nhận;

f) tiến hành tất cả các biện pháp có ích nhằm bảo vệ kỷ cương trật tự trên tàu.

Điều 32

Sự can thiệp của nhà chức trách Nước tiếp nhận trên tàu

1) Trong trường hợp toà án hay bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào của Nước tiếp nhận muốn bắt hoặc giữ trên tàu của Nước cử thuyền trưởng, bất kỳ thuyền viên, hành khách nào của tàu đó hay bất kỳ một người nào không là công dân Nước tiếp nhận, tịch biên tài sản trên tàu hoặc tiến hành một cuộc điều tra chính thức trên tàu thì các cơ quan có thẩm quyền Nước tiếp nhận phải báo trước để viên chức lãnh sự có thể có mặt khi tiến hành các biện pháp đó. Tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp không thể thông báo trước cho viên chức lãnh sự hoặc nếu viên chức lãnh sự không có mặt khi tiến hành các biện pháp nói trên thì các nhà chức trách của Nước tiếp nhận phải thông báo kịp thời và đầy đủ về các biện pháp đã tiến hành. Các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận cũng phải tạo điều kiện cho viên chức lãnh sự đến thăm người bị bắt hoặc tam giam cũng như liên hệ với người này và thực hiện các biện pháp thích hợp để bảo vệ quyền lợi của người hoặc tàu có liên quan.

2) Những quy định ở khoản 1 Điều này cũng áp dụng nếu cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận yêu cầu thuyền trưởng hoặc thuyền viên thuộc tàu của Nước cử lên bờ để trả lời những câu hỏi về những vấn đề có liên quan đến tàu.

3) Trừ khi theo yêu cầu hoặc được phép của viên chức lãnh sự hay của thuyền trưởng tàu của Nước cử, cơ quan tư pháp hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác của Nước tiếp nhận không được can thiệp vào những công việc nội bộ trên tàu Nước cử, như vấn đề quan hệ giữa các thuyền viên, quan hệ lao động, nội quy trên tàu và những hoạt động khác mang tính nội bộ của tàu, với điều kiện không vi phạm luật và các quy định của Nước tiếp

nhân về trật tự và an toàn xã hội.

4) Các quy định của khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các cuộc kiểm tra bình thường do các cơ quan có thẩm quyền của Nước cử tiến hành về hộ chiếu, hải quan, y tế, ô nhiễm biển, cứu nạn người trên biển hoặc trong trường hợp khác theo yêu cầu hoặc được sự đồng ý của thuyền trưởng.

Điều 33

Chức năng liên quan tới tàu bị hư hại hay bị đắm

1) Nếu tàu của Nước cử bị đắm, hư hại, mắc cạn hoặc bị dat lên bờ hay bất kỳ sự cố nào, xảy ra với tàu trong lãnh hải hoặc nội thủy của Nước tiếp nhận, kể cả ở trong cảng, thì các cơ quan có thẩm quyền của nước đó phải thông báo kịp thời cho viên chức lãnh sự biết.

2) Trong những trường hợp nói tại khoản 1 Điều này, các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải tiến hành các biện pháp cần thiết phù hợp với pháp luật của Nước tiếp nhận để cứu hộ và bảo vệ tàu, hành khách, thuyền bộ, các thiết bị của tàu, hàng hoá, tài sản cũng như các đồ vật khác trên tàu, và để tránh hoặc nhằm mục đích ngăn chặn những tổn hại đối với tài sản do sự lộn xộn trên tàu gây ra. Những biện pháp này cũng được thực hiện đối với đồ vật của tàu hoặc hàng hoá bị văng ra khỏi tàu. Các nhà chức trách của Nước tiếp nhận phải thông báo cho viên chức lãnh sự về các biện pháp đã được thực hiện. Các nhà chức trách này phải giúp đỡ viên chức lãnh sự thực hiện mọi biện pháp cần thiết khi tàu bị hư hại, mắc cạn hoặc bị đắm.

3) Khi chủ tàu, thuyền trưởng hoặc bất kỳ người được uỷ quyền nào khác không thể có mặt hoặc không thể tiến hành các biện pháp để bảo vệ và cứu hộ tàu hay quản lý những tài sản, hàng hoá trên tàu thì viên chức lãnh sự có thể thay mặt cho chủ tàu thực hiện những biện pháp mà chủ tàu hay chủ hàng có thể làm trong trường hợp như vậy hoặc yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận thực hiện những biện pháp đó.

4) Viên chức lãnh sự cũng có thể tiến hành các biện pháp theo khoản 3 Điều này khi bất kỳ một đồ vật nào thuộc về công dân Nước cử có nguồn gốc từ tàu hoặc hàng hoá của tàu, được đưa đến cảng hoặc tìm thấy trên bờ biển hay gần bờ biển hoặc trên các con tàu bị đắm, bị hư hại hay bị mắc cạn. Các cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải thông báo kịp thời cho viên chức lãnh sự về việc tìm thấy những vật đó.

5) Viên chức lãnh sự có quyền tham gia vào việc điều tra về nguyên nhân của việc tàu bị hư hại, mắc cạn hoặc bị đắm, phù hợp với luật và quy định của Nước tiếp nhận.

Điều 34

Các chức năng liên quan đến việc một thuyền viên bị chết hay mất tích

1) Nếu thuyền trưởng hoặc bất kỳ một thuyền viên nào bị chết hoặc mất tích trong khi tàu đang ở Nước tiếp nhận, thuyền trưởng hoặc người thay thế thuyền trưởng cũng như viên chức lãnh sự của Nước cử là những người có quyền tiến hành thống kê các hàng hoá, tài sản và đồ vật có giá trị của người chết hoặc mất tích và tiến hành các biện pháp cần thiết để bảo vệ hàng hoá và thanh toán tài sản đó. Tuy nhiên, nếu một người chết hay mất tích là công dân của Nước tiếp nhận thì thuyền trưởng hay người thay thế thuyền trưởng phải làm một bản xác nhận cái chết hay việc mất tích đó. Một bản sao của bản xác nhận này sẽ được chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận để cơ quan này tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ tài sản và nếu cần, để thanh toán tài sản đó. Các nhà chức trách đó phải thông báo cho cơ quan lãnh sự của Nước cử về các biện pháp của họ.

2) Nếu viên chức lãnh sự thực hiện quyền của mình liên quan tới tài sản theo quy định của khoản 1 Điều này thì phải hành động phù hợp với luật và quy định của Nước tiếp nhận.

Điều 35

Chức năng liên quan tới tàu bay

Các điều 30, 31, 32, 33 và 34 Hiệp định này cũng được áp dụng mọi cách thích hợp đối với tàu bay dân dụng của Nước cử, với điều kiện là sự áp dụng này không mâu thuẫn với các điều ước quốc tế song phương hay đa phương mà cả hai Bên đều ký kết hoặc tham gia.

Điều 36

Phí và lệ phí lãnh sự

1) Phù hợp với luật và quy định của Nước cử, cơ quan lãnh sự có quyền thu trên lãnh thổ Nước tiếp nhận phí và lệ phí cho các hoạt động lãnh sự.

2) Số tiền thu được từ các hoạt động lãnh sự nói tại khoản 1 Điều này được miễn mọi thứ thuế và lệ phí ở Nước tiếp nhận.

3) Nước tiếp nhận cho phép cơ quan lãnh sự gửi số tiền thu được vào tài khoản chính thức của cơ quan lãnh sự ở ngân hàng.

Điều 37

Chuyển giao tài liệu

Viên chức lãnh sự có quyền nhận và chuyển các giấy tờ, tài liệu tư pháp hay không tư pháp, tiến hành lấy lời khai cho các toà án Nước cử phù hợp với các điều ước quốc tế hiện hành giữa Nước cử và Nước tiếp nhận, và nếu không có các điều ước này thì bằng một cách khác phù hợp với luật và quy định hiện hành của Nước tiếp nhận. Quyền nói ở trên chỉ thực hiện đối với công dân Nước cử và không được áp dụng bất kỳ một biện pháp cưỡng ép nào.

Điều 38

Các chức năng lãnh sự khác

Viên chức lãnh sự có quyền thực hiện các chức năng lãnh sự khác do Nước cử uỷ nhiệm, trừ khi các chức năng đó trái với luật và quy định của Nước tiếp nhận hoặc nếu Nước tiếp nhận phản đối việc thực hiện các chức năng đó.

CHƯƠNG IV

TẠO THUẬN LỢI, QUYỀN ƯU ĐÃI VÀ MIỄN TRỪ

Điều 39

Tạo thuận lợi cho hoạt động của cơ quan lãnh sự

Nước tiếp nhận tạo thuận lợi cho cơ quan lãnh sự thực hiện chức năng lãnh sự và tiến hành các biện pháp cần thiết để đảm bảo cho thành viên cơ quan lãnh sự có thể thực hiện các công việc chính thức và cho họ hưởng các quyền ưu đãi, miễn trừ quy định trong Hiệp định này.

Điều 40

Sử dụng quốc kỳ và quốc huy

1) Nước cử có quyền sử dụng quốc kỳ và quốc huy ở Nước tiếp nhận phù hợp với quy định của Điều này.

2) Quốc kỳ của Nước cử có thể được treo trên toà nhà nơi đặt trụ sở cơ quan lãnh sự, trên nhà riêng của người đứng đầu cơ quan lãnh sự và trên phương tiện giao thông của người đó khi dùng vào mục đích chính thức.

3) Quốc huy của Nước cử cùng với một bảng để tên thích hợp bằng tiếng Nước cử và tiếng Nước tiếp nhận có thể được gắn trên trụ sở cơ quan lãnh sự cũng như nhà ở người đứng đầu cơ quan lãnh sự.

4) Trong khi thực hiện các quyền nói ở Điều này cần phải tôn trọng luật, các quy định và tập quán của Nước tiếp nhận.

Điều 41

Trụ sở và nhà ở

Nước tiếp nhận phải giúp đỡ Nước cử có được trụ sở cần thiết cho hoạt động của cơ quan lãnh sự và nếu cần thì cả nhà ở thích hợp cho thành viên cơ quan lãnh sự phù hợp với luật và quy định hiện hành của Nước tiếp nhận.

Điều 42

Tạo thuận lợi để có đất và nhà ở

1) Phù hợp với luật và quy định của Nước tiếp nhận, Nước cử có quyền:

a) có các toà nhà hoặc phần của toà nhà để dùng làm trụ sở của cơ quan lãnh sự hoặc nhà ở của người đứng đầu cơ quan lãnh sự hoặc các thành viên khác của cơ quan này;

b) xây dựng và cải tạo các toà nhà sử dụng vào các mục đích nói trên;

c) chuyển quyền sử dụng các toà nhà hoặc các phần của toà nhà nói trên.

2) Các quy định của khoản 1 Điều này không miễn cho Nước cử nghĩa vụ tuân thủ các quy định và các hạn chế liên quan đến xây dựng, quy hoạch đô thị, bảo vệ các di sản kiến trúc được áp dụng đối với khu vực nơi có toà nhà hoặc các phần của toà nhà nói trên.

Điều 43

**Sự bất khả xâm phạm
của trụ sở cơ quan lãnh sự
và nhà ở của viên chức lãnh sự**

1) Trụ sở của cơ quan lãnh sự và nhà ở của viên chức lãnh sự là bất khả xâm phạm. Nhà chức trách của Nước tiếp nhận không được vào trụ sở cơ quan lãnh sự và nhà ở của viên chức lãnh sự trừ khi có sự đồng ý của người đứng đầu cơ quan lãnh sự, của người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao của Nước cử hoặc của người được một trong hai người nói trên chỉ định.

2) Nước tiếp nhận có nghĩa vụ tiến hành mọi biện pháp cần thiết để ngăn chặn việc xâm nhập bằng vũ lực hoặc gây tổn hại đến trụ sở cơ quan lãnh sự cũng như bất cứ hành động nào xâm phạm sự yên tĩnh hoặc gây tổn hại đến sự trang nghiêm của cơ quan lãnh sự.

Điều 44

Miễn trưng dụng

Trụ sở cơ quan lãnh sự, nhà ở của người đứng đầu cơ quan lãnh sự và của các thành viên khác của cơ quan, đồ dùng của họ, các tài sản và các phương tiện giao thông của cơ quan lãnh sự không bị trưng dụng dưới bất kỳ hình thức nào vào mục đích quốc phòng hay công cộng.

Điều 45

Miễn thuế đối với trụ sở cơ quan lãnh sự

1) Trụ sở cơ quan lãnh sự, nhà ở của người đứng đầu cơ quan lãnh sự mà Nước cử hay bất kỳ người nào đại diện cho Nước cử là người sở hữu hoặc người thuê được miễn mọi thứ thuế hay các khoản thu của Nhà nước, tỉnh, thành phố hoặc địa phương, trừ các khoản tiền thu cho các dịch vụ.

2) Việc miễn thuế nói ở khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các thứ thuế và lệ phí như vậy nếu theo luật và qui định của Nước tiếp nhận người ký hợp đồng với Nước cử hoặc với người đại diện cho Nước cử phải trả.

Điều 46

Sự bất khả xâm phạm của hồ sơ lưu trữ và tài liệu lãnh sự

Hồ sơ lưu trữ và tài liệu lãnh sự là bất khả xâm phạm bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu.

Điều 47

Tự do liên lạc

1) Nước tiếp nhận cho phép và bảo vệ việc tự do liên lạc của cơ quan lãnh sự vì mọi mục đích chính thức.

Trong việc liên lạc với Chính phủ, với các cơ quan đại diện ngoại giao và các cơ quan lãnh sự khác của Nước cử đóng ở bất cứ chỗ nào, cơ quan lãnh sự có thể dùng mọi phương tiện thích hợp, kể cả giao thông viên ngoại giao hoặc giao thông viên lãnh sự, túi ngoại giao hoặc túi lãnh sự và điện mật mã. Tuy nhiên, cơ quan lãnh sự chỉ có thể đặt và dùng máy vô tuyến điện phát tin khi có sự đồng ý của Nước tiếp nhận.

2) Thư từ chính thức của cơ quan lãnh sự là bất khả xâm phạm.

"Thư từ chính thức" có nghĩa là mọi thư từ liên quan đến cơ quan lãnh sự và chức năng của cơ quan lãnh sự đó.

3) Túi lãnh sự không bị mở hoặc giữ lại.

4) Các gói tạo thành túi lãnh sự phải mang dấu hiệu rõ ràng ở bên ngoài về tính chất của nó và chỉ được chứa thư từ và tài liệu chính thức hoặc các đồ vật để sử dụng chính thức.

5) Giao thông viên lãnh sự được cấp một giấy tờ chính thức ghi rõ địa vị của họ và số lượng gói tạo thành túi lãnh sự. Trừ khi có sự đồng ý của Nước tiếp nhận, giao thông viên lãnh sự không được là công dân của Nước tiếp nhận và cũng không phải là người thường trú ở nước đó. Sự đòi hỏi đồng ý này không áp dụng đối với người thường trú tại Nước tiếp nhận nhưng là công dân của Nước cử. Trong khi thực thi công vụ, giao thông viên lãnh sự được Nước tiếp nhận bảo vệ. Giao thông viên lãnh sự được hưởng sự bất khả xâm phạm về thân thể và không bị bắt, tạm giam hoặc hạn chế tự do cá nhân dưới bất kỳ hình thức nào.

6) Nước cử lãnh sự và cơ quan lãnh sự của Nước cử có thể chỉ định những giao thông viên lãnh sự tạm thời và họ sẽ được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ quy định tại khoản 5 Điều này cho tới khi họ chuyển giao xong túi lãnh sự.

7) Có thể giao túi lãnh sự cho người chỉ huy tàu thủy hoặc tàu bay dự kiến sẽ đến cửa khẩu được phép. Người đó phải mang theo giấy tờ chính thức ghi rõ số lượng gói tạo thành túi lãnh sự, nhưng không được coi là giao thông viên lãnh sự. Cơ quan lãnh sự có thể thu xếp với nhà chức trách

địa phương có thẩm quyền để cử một thành viên cơ quan lãnh sự đến nhận hoặc trao một cách trực tiếp và tự do túi lãnh sự cho người chỉ huy tàu thủy hoặc tàu bay đó.

Điều 48

Bảo vệ viên chức lãnh sự

Nước tiếp nhận phải tôn trọng viên chức lãnh sự và thi hành mọi biện pháp thích hợp để ngăn ngừa mọi sự xâm phạm thân thể, tự do và phẩm cách của họ.

Điều 49

Sự bất khả xâm phạm về thân thể của viên chức lãnh sự

Viên chức lãnh sự được hưởng quyền bất khả xâm phạm về thân thể và không thể bị bắt hay bị tạm giam hoặc bị hạn chế tự do dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 50

Quyền miễn trừ xét xử của các thành viên cơ quan lãnh sự

1) Viên chức lãnh sự được hưởng tất cả các quyền ưu đãi và miễn trừ xét xử về hình sự, dân sự và hành chính.

2) Nhân viên lãnh sự và nhân viên phục vụ không chịu sự xét xử về hình sự, dân sự và hành chính của Nước tiếp nhận đối với mọi hành vi trong khi thực hiện các chức năng lãnh sự.

3) Tuy nhiên các qui định của Điều này không áp dụng đối với một vụ kiện dân sự :

a) xảy ra vì một hợp đồng do một thành viên cơ quan lãnh sự ký kết mà không phải là rõ ràng hoặc hàm ý đứng trên danh nghĩa là người đại diện cho Nước cử;

b) do bên thứ ba tiến hành về thiệt hại do tai nạn xe cộ, tàu thủy hoặc tàu bay xảy ra tại Nước tiếp nhận.

Điều 51

Cung cấp chứng cứ

1) Viên chức lãnh sự có thể được mời đến làm nhân chứng trong quá trình tiến hành tố tụng về tư pháp hoặc hành chính. Nếu viên chức lãnh sự từ chối cung cấp chứng cứ thì không được áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc hình phạt đối với người này.

2) Nhân viên lãnh sự và nhân viên phục vụ trong cơ quan lãnh sự có thể được mời đến làm nhân chứng trong quá trình tiến hành tố tụng về tư pháp hoặc hành chính. Nhân viên lãnh sự hoặc nhân viên phục vụ không được từ chối đưa ra lời khai, trừ các trường hợp nói ở khoản 3 Điều này.

3) Thành viên của cơ quan lãnh sự có quyền từ chối đưa ra lời khai về bất cứ vấn đề nào có liên quan đến việc thực hiện chức năng của mình hoặc phải cung cấp thư từ và các tài liệu có liên quan khác. Họ cũng có quyền từ chối đưa ra lời khai với tư cách là chuyên viên pháp luật của Nước cử.

4) Nhà chức trách yêu cầu thành viên cơ quan lãnh sự cung cấp chứng cứ phải tránh làm trở ngại việc thực hiện chức năng của người này. Nếu được, có thể lấy lời khai tại nhà riêng hoặc tại cơ quan lãnh sự bằng cách khai nói hay viết một bản khai.

Điều 52

Việc từ bỏ các quyền ưu đãi và miễn trừ

1) Nước cử có thể từ bỏ các quyền ưu đãi và miễn trừ quy định tại Điều 49, 50 và 51. Việc từ bỏ phải rõ ràng và phải được thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền của Nước tiếp nhận.

2) Khi thành viên cơ quan lãnh sự tiến hành khởi kiện về một vấn đề mà họ có thể được hưởng quyền miễn trừ xét xử thì họ không được viện dẫn quyền miễn trừ xét xử khi có sự phản kiện liên quan trực tiếp đến đơn khởi kiện.

3) Việc từ bỏ quyền miễn trừ xét xử về một vụ kiện dân sự hay hành chính không được coi như bao hàm cả việc từ bỏ quyền miễn trừ đối với các biện pháp thi hành án: về vấn đề này cần phải có sự từ bỏ riêng.

Điều 53

Miễn các nghĩa vụ phục vụ và đóng góp cá nhân

Nước tiếp nhận miễn cho thành viên cơ quan lãnh sự mọi nghĩa vụ đóng góp cá nhân và phục vụ công cộng dưới bất kỳ hình thức nào cũng như những nghĩa vụ đối với quân đội như trưng dụng, đóng góp vé quân sự và cho đóng quán trong nhà mình.

Điều 54

Miễn đăng ký ngoại kiều và giấy phép cư trú

1) Thành viên cơ quan lãnh sự được miễn mọi nghĩa vụ theo luật và quy định của Nước tiếp nhận đối với việc đăng ký ngoại kiều, giấy phép cư trú và các thủ tục khác đối với người nước ngoài.

2) Tuy nhiên những quy định của khoản 1 Điều này không áp dụng đối với bất kỳ nhân viên lãnh sự nào không phải là nhân viên trong biên chế của Nước cử hoặc là người có hoạt động nghề nghiệp sinh lợi cá nhân tại Nước tiếp nhận cũng như không áp dụng đối với bất kỳ thành viên gia đình nào của nhân viên đó.

Điều 55

Miễn thuế

1) Viên chức lãnh sự và nhân viên lãnh sự được miễn mọi thứ thuế và các khoản thu tương tự do nhà nước, tỉnh, thành phố và địa phương ở Nước tiếp nhận thu, trừ :

a) thuế gián thu thông thường được gộp vào giá hàng hoá hay giá dịch vụ;

b) thuế hay các khoản thu tương tự khác đối với bất động sản tư nhân trên lãnh thổ Nước tiếp nhận, trừ những quy định ở Điều 45;

c) thuế và các khoản thu tương tự do Nước tiếp nhận thu đối với tài sản thừa kế hoặc việc chuyển nhượng tài sản thừa kế, trừ những quy định ở Điều 60;

d) thuế và các khoản thu tương tự đối với thu nhập cá nhân có nguồn gốc ở Nước tiếp nhận;

e) thuế và các khoản thu đối với việc thuê phục vụ riêng;

f) lệ phí đăng ký, lệ phí tòa án hoặc hồ sơ, lệ phí thế chấp bất động sản và tiền tem, trừ những quy định của Điều 45.

2) Những nhân viên phục vụ được miễn thuế và lệ phí đối với tiền công phục vụ của họ với điều kiện họ không là công dân của Nước tiếp nhận hay người thường trú tại nước đó.

3) Thành viên cơ quan lãnh sự có thuê người làm mà tiền lương hay tiền công của họ không được miễn thuế thu nhập ở Nước tiếp nhận thì phải thực hiện những nghĩa vụ do pháp luật nước đó qui định đối với người thuê lao động liên quan đến việc nộp thuế thu nhập.

Điều 56

Miễn thuế quan và kiểm tra hải quan

1) Phù hợp với luật và các quy định mà nước mình có thể đưa ra. Nước tiếp nhận cho phép nhập khẩu, xuất khẩu và miễn mọi thứ thuế và các lệ phí liên quan, trừ tiền lưu kho, tiền vận chuyển và tiền trả cho những việc phục vụ tương tự đối với :

a) các đồ dùng chính thức của cơ quan lãnh sự;

b) các đồ dùng cá nhân của viên chức lãnh sự, kể cả những đồ dùng cần thiết khi mới được bổ nhiệm. Những đồ dùng này không vượt quá số lượng cần thiết cho việc sử dụng trực tiếp của những người này.

2) Nhân viên lãnh sự được hưởng những sự ưu đãi và miễn trừ như quy định ở mục (b) khoản 1 Điều này đối với đồ dùng nhập khẩu lần đầu khi họ mới đến.

3) Hành lý cá nhân đi kèm theo viên chức lãnh sự được miễn kiểm tra hải quan. Chỉ có thể kiểm tra hành lý đó khi có lý do xác đáng để tin rằng bên trong có những đồ vật khác với số đồ dùng nói ở mục (b) khoản 1 Điều này, hoặc những đồ vật mà luật và các quy định của Nước tiếp nhận cấm nhập khẩu hoặc xuất khẩu hay những đồ vật phải tuân theo luật và các quy định về kiểm dịch. Trong trường hợp như vậy, việc kiểm tra phải được tiến hành với sự có mặt của viên chức lãnh sự đó hoặc của người đại diện hợp pháp.

Điều 57

Miễn giấy phép lao động

1) Đối với những công việc phục vụ cho Nước cử, thành viên cơ quan lãnh sự được miễn mọi nghĩa vụ liên quan đến giấy phép lao động theo luật và các quy định của Nước tiếp nhận về tuyển dụng nhân công nước ngoài.

2) Nhân viên phục vụ riêng của viên chức lãnh sự và của nhân viên lãnh sự, nếu không có hoạt động nghề nghiệp sinh lợi khác tại Nước tiếp nhận sẽ được miễn các nghĩa vụ nói ở khoản 1 Điều này.

Điều 58

Miễn bảo hiểm xã hội

1) Đối với những việc phục vụ cho Nước cử, thành viên cơ quan lãnh sự được miễn những nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội có thể đang có hiệu lực ở Nước tiếp nhận trừ những quy định ở khoản 3 Điều này.

2) Việc miễn trừ nói ở khoản 1 Điều này cũng áp dụng đối với những nhân viên phục vụ riêng chỉ giúp việc cho các thành viên cơ quan lãnh sự, với điều kiện:

a) họ không phải là công dân của Nước tiếp nhận hoặc là người thường trú tại nước đó, và

b) họ phải tuân theo các quy định về bảo hiểm xã hội hiện hành ở Nước cử hoặc ở một nước thứ ba.

3) Những thành viên cơ quan lãnh sự thuê người không được miễn trừ theo khoản 2 Điều này phải tuân theo những nghĩa vụ mà các quy định về bảo hiểm xã hội của Nước tiếp nhận đặt ra đối với người thuê lao động.

4) Việc miễn trừ qui định ở khoản 1 và 2 của Điều này sẽ không cản trở sự tham gia tự nguyện chế độ bảo hiểm xã hội của Nước tiếp nhận, với điều kiện là sự tham gia đó được Nước tiếp nhận cho phép.

Điều 59

Quy định đặc biệt về hoạt động cá nhân sinh lời

1) Viên chức lãnh sự chuyên nghiệp không được hoạt động nghề nghiệp hoặc thương mại ở Nước tiếp nhận để kiếm lời cho cá nhân.

2) Những quyền ưu đãi, miễn trừ quy định tại Hiệp định này không áp dụng với:

a) nhân viên lãnh sự, nhân viên phục vụ hoạt động cá nhân sinh lời tại Nước tiếp nhận;

b) những thành viên trong gia đình của một người nêu ở mục (a) khoản này hoặc các nhân viên phục vụ riêng của người đó;

c) những thành viên trong gia đình một thành viên cơ quan lãnh sự mà bản thân họ có hoạt động tư kiếm lời ở Nước tiếp nhận.

Điều 60

Di sản của một thành viên cơ quan lãnh sự

Trong trường hợp một thành viên cơ quan lãnh sự chết tại Nước tiếp nhận, Nước tiếp nhận:

a) cho phép xuất khẩu động sản của người chết, trừ bất kỳ tài sản nào có được ở Nước tiếp nhận mà bị cấm xuất khẩu lúc người đó chết.

b) không thu thuế hoặc các khoản thu khác đối với các tài sản thừa kế là động sản hoặc đối với việc chuyển nhượng tài sản thừa kế này sẽ dĩ có được là do sự có mặt của người đó ở Nước tiếp nhận với tư cách là một thành viên cơ quan lãnh sự.

Điều 61

Tự do đi lại

Trừ các khu vực cấm hoặc hạn chế đi lại vì lý do an ninh quốc gia theo luật và quy định của Nước tiếp nhận, tất cả các thành viên của cơ quan lãnh sự được phép đi lại tự do trên lãnh thổ nước này.

Điều 62

Bảo hiểm đối với các phương tiện giao thông

Phương tiện giao thông là tài sản của Nước cử và chỉ sử dụng vào mục đích của cơ quan lãnh sự hoặc thuộc sở hữu của bất kỳ thành viên nào của cơ quan lãnh sự phải bị bảo hiểm bắt buộc.

Điều 63

Bảo hiểm đối với những thiệt hại gây ra cho bên thứ ba

Thành viên cơ quan lãnh sự phải tuân thủ mọi nghĩa vụ theo luật và quy định của Nước tiếp nhận về việc bảo hiểm những thiệt hại gây ra cho bên thứ ba do việc sử dụng phương tiện giao thông.

Điều 64

Quyền ưu đãi miễn trừ của thành viên gia đình

Thành viên gia đình của thành viên cơ quan lãnh sự được hưởng các quyền ưu đãi, miễn trừ tương ứng mà bản thân thành viên cơ quan lãnh sự được hưởng theo quy định tại các Điều 49, 50 khoản 1, 53, 54, 55, 56, 58, 60 và 61 Hiệp định này nếu họ không phải là công dân của Nước tiếp nhận hoặc người thường trú hay người làm công ở nước đó.

Điều 65

Bắt đầu và chấm dứt các quyền ưu đãi và miễn trừ

1) Thành viên cơ quan lãnh sự được hưởng những quyền ưu đãi và miễn trừ quy định trong Hiệp định này từ khi họ nhập cảnh vào lãnh thổ Nước tiếp nhận để nhậm chức hoặc nếu họ đã ở trên lãnh thổ nước đó thì từ khi họ bắt đầu thực hiện nhiệm vụ của mình ở cơ quan lãnh sự.

2) Những thành viên gia đình một thành viên cơ quan lãnh sự và các nhân viên phục vụ riêng của người đó được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ quy định trong Hiệp định này kể từ ngày muộn nhất trong những ngày sau đây: ngày thành viên cơ quan lãnh sự đó được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ phù hợp với khoản 1 Điều này hoặc ngày những người này vào lãnh thổ Nước tiếp nhận hoặc ngày họ trở thành thành viên gia đình hoặc nhân viên phục vụ riêng cho một thành viên cơ quan lãnh sự.

3) Khi một thành viên cơ quan lãnh sự kết thúc nhiệm vụ của mình thì thông thường quyền ưu đãi và miễn trừ của người đó và của các thành viên gia đình cũng như các nhân viên phục vụ riêng của người đó chấm dứt vào ngày sớm nhất trong những ngày sau đây: ngày thành viên cơ quan lãnh sự rời khỏi Nước tiếp nhận hoặc ngày cuối cùng của một thời hạn thích hợp để rời khỏi nước đó tính theo ngày sớm nhất. Đối với trường hợp những người nêu ở khoản 2 Điều này, thì họ sẽ thôi không được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ nữa khi họ không còn là thành viên gia đình hoặc thôi không còn giúp việc cho thành viên cơ quan lãnh sự; tuy nhiên với điều kiện những người đó muốn rời khỏi Nước tiếp nhận trong một thời hạn thích hợp thì họ

còn được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ cho đến lúc rời hẳn Nước tiếp nhận.

4) Tuy nhiên đối với những hành động của một viên chức lãnh sự hoặc một nhân viên lãnh sự trong khi thực hiện chức năng của mình thì quyền miễn trừ xét xử sẽ tiếp tục tồn tại không bị giới hạn về thời gian.

5) Trong trường hợp một thành viên cơ quan lãnh sự chết thì những thành viên gia đình người đó vẫn tiếp tục được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ cho đến ngày sớm nhất trong những ngày sau đây: ngày rời khỏi Nước tiếp nhận hoặc ngày cuối cùng của một thời hạn thích hợp để rời khỏi nước đó.

Điều 66

Những người không được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ

1) Thành viên của cơ quan lãnh sự là công dân của Nước tiếp nhận hoặc người thường trú ở đó không được hưởng các quyền ưu đãi, miễn trừ quy định tại Hiệp định này trừ các quy định tại khoản 3 Điều 51.

2) Tuy nhiên Nước tiếp nhận thực hiện quyền xét xử đối với những người nói ở khoản 1 Điều này sao cho không gây trở ngại vô cớ dưới bất kỳ hình thức nào đối với việc thực hiện chức năng của cơ quan lãnh sự.

CHƯƠNG V

CÁC ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 67

Tôn trọng luật và các quy định của Nước tiếp nhận

1) Không ảnh hưởng đến các quyền ưu đãi và miễn trừ của mình, tất cả những người được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ nêu trong Hiệp định này đều có nghĩa vụ tôn trọng luật và các quy định của Nước tiếp nhận. Họ cũng có trách nhiệm không được can thiệp vào công việc nội bộ của Nước tiếp nhận.

2) Không được dùng trụ sở cơ quan lãnh sự một cách không phù hợp với việc thực hiện chức năng lãnh sự.

3) Những quy định ở khoản 2 Điều này không loại trừ khả năng đặt trụ sở của những cơ quan hoặc đại lý khác ở một phần của toà nhà mà trong đó cơ quan lãnh sự đặt trụ sở, miễn là những trụ sở đó phải tách riêng với trụ sở cơ quan lãnh sự. Trong trường hợp đó, theo mục đích của Hiệp định này, các cơ quan nói trên không được coi là một bộ phận của trụ sở cơ quan

lãnh sự.

Điều 68

**Các thành viên cơ quan đại diện ngoại giao
thực hiện chức năng lãnh sự**

1) Tất cả các quy định của Hiệp định này cũng áp dụng trong trường hợp các thành viên cơ quan đại diện ngoại giao thực hiện chức năng lãnh sự.

2) Họ và tên các thành viên cơ quan đại diện ngoại giao được uỷ nhiệm thực hiện công việc lãnh sự của cơ quan đại diện ngoại giao phải được thông báo cho Bộ ngoại giao Nước tiếp nhận.

3) Thành viên cơ quan đại diện ngoại giao được nói tới tại khoản 2 Điều này tiếp tục được hưởng các quyền ưu đãi và miễn trừ như quy chế ngoại giao.

Điều 69

Phê chuẩn và hiệu lực của Hiệp định

1) Hiệp định này phải được phê chuẩn và có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi kể từ ngày hai Bên ký kết trao đổi các văn kiện phê chuẩn.

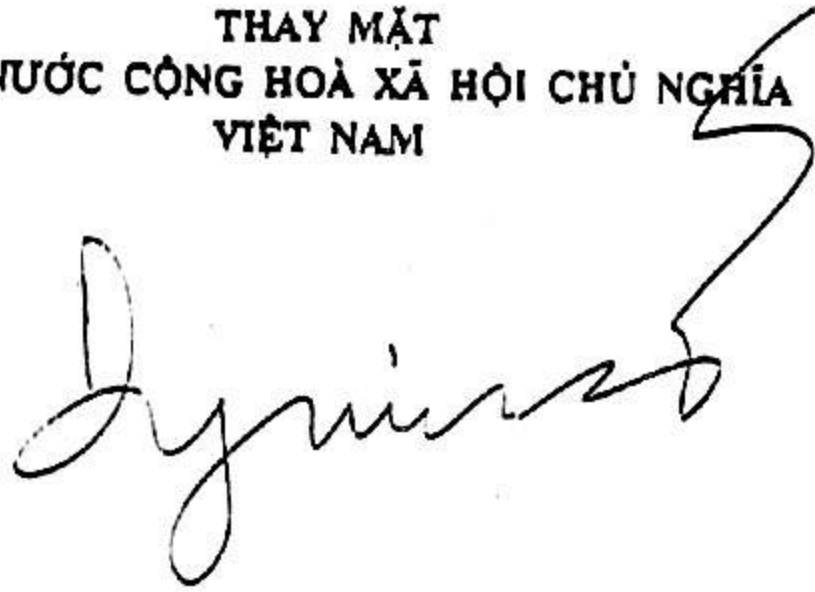
2) Hiệp định này có thể được sửa đổi, bổ sung. Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào cũng sẽ được tiến hành qua đường ngoại giao và sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày hai Bên ký kết thông báo cho nhau về việc đã hoàn thành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật nước mình để những sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực.

3) Hiệp định này có hiệu lực không thời hạn. Mỗi Bên ký kết có thể huỷ bỏ Hiệp định bằng việc thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia về việc này. Trong trường hợp đó Hiệp định tiếp tục có hiệu lực thêm 6 tháng kể từ ngày thông báo.

Để làm bằng, những người được uỷ quyền của các Bên ký kết đã ký Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội, ngày 8 tháng 7 năm 1995 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Rumani và tiếng Anh. Văn bản tiếng Việt và văn bản tiếng Rumani có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau thì văn bản tiếng Anh sẽ được dùng để đối chiếu.

THAY MẶT
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



THAY MẶT
NƯỚC RUMANI



BỘ NGOẠI GIAO

Số: 80 /LPQT

SAO Y BẢN CHÍNH

"Để báo cáo,
Để thực hiện".

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 1997

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

KT. Vụ trưởng Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Phó Vụ trưởng

Nơi nhận :

- Văn phòng Chủ tịch nước (để b/c),
- Văn phòng Quốc hội (để b/c),
- Văn phòng Chính phủ (để b/c),
- Bộ Tư pháp,
- Bộ Nội vụ,
- Bộ Lao động, TB-XH.
- Tổng cục Hải quan,
- Tổng cục Thuế,
- ĐSQ Việt Nam tại Rumani.
- Vụ châu Âu I,
- Cục Lãnh sự, ✓
- Vụ Lễ tân,
- Vụ LPQT,
- LT (14b).

The image shows the official seal of the Ministry of Foreign Affairs of Vietnam, which is circular and contains the text 'BỘ NGOẠI GIAO' around the perimeter. Overlaid on the seal is a handwritten signature in black ink.

Nguyễn Bá Sơn

Ghi chú : Hiệp định Lãnh sự giữa nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Rumani bắt đầu có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 1997.